

BÁO CÁO
sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tuy Phước lần thứ XXI

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHƯỚC
LẦN THỨ XXI TỪ ĐẦU NHIỆM KỶ ĐẾN NAY

Trong nửa nhiệm kỳ qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Tuy Phước đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh Bình Định và Nghị quyết Đại hội XXI Đảng bộ huyện trong bối cảnh có những thuận lợi cơ bản: Đất nước ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng đảm bảo; công cuộc đổi mới của Đảng và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế đã, đang đi vào cuộc sống và tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, đã củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Huyện ủy đã nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của các sở, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể tỉnh; những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ được tích lũy, kế thừa từ những nhiệm kỳ trước. Những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được trong thời gian qua của huyện đã phát huy hiệu quả.

Bên cạnh những thuận lợi trên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp; nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở còn hạn chế; giá cả vật tư, chi phí sản xuất đầu vào tăng, hiệu quả đầu tư, kinh doanh ở một số doanh nghiệp đạt thấp; thời tiết có lúc diễn biến phức tạp, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi vẫn còn tiềm ẩn.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân huyện Tuy Phước đã tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo vượt khó vươn lên, nỗ lực khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt được những kết quả trên các lĩnh vực.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

*** Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu**

1. Tổng giá trị sản xuất các ngành trên địa bàn bình quân hàng năm tăng 9%

(KH: 8,6%). Trong đó, nông, lâm và thủy sản tăng 4,3%, (KH 4,0%); công nghiệp, xây dựng tăng 10,8% (KH: 10,3%); thương mại và dịch vụ tăng 11,3% (KH 10,3%).

2. Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất (giá thực tế) đến cuối năm 2017, tỷ trọng nông, lâm, thủy sản chiếm 31,4% (NQ 29%); Công nghiệp, xây dựng chiếm 47,1% (NQ 50%); thương mại và dịch vụ chiếm 21,5% (NQ 21%).

3. Tổng sản lượng lương thực có hạt qua các năm đều trên 100.000 tấn, 6 tháng đầu năm 2018 là 56,558 tấn (NQ: 100.000 tấn/năm).

4. Thu nhập bình quân đầu người ước đến cuối năm 2018 đạt 43,9 triệu đồng/người/năm (NQ: Năm 2020 đạt 45-50 triệu đồng).

5. Thu ngân sách hoàn thành kế hoạch tỉnh giao và tăng bình quân hàng năm 20,17% (NQ tăng 10%).

6. Huyện Tuy Phước đã đạt 4/9 tiêu chí huyện nông thôn mới (NQ: Năm 2020 đạt huyện nông thôn mới).

7. Tỷ lệ đô thị hóa 35% (NQ 42%). Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh trên 98,1% (NQ 99%).

8. Xây dựng 52/63 trường học đạt chuẩn quốc gia (NQ: 49/63): Mầm non: 69,23% (NQ 50%); Tiểu học: 90% (NQ 90%), trung học cơ sở: 100% (NQ 92,9%) và trung học phổ thông: 60% (40%). Hoàn thành và duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp học, bậc học (NQ PCGD tiểu học đúng độ tuổi 99%).

9. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 4,83% (đến 31/5/2018), giảm vượt KH 0,73% (NQ: Giảm 1-1,5%/năm).

10. Duy trì 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ (NQ 100%). Duy trì 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (NQ: 13/13 xã, thị trấn).

11. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao; duy trì lực lượng dân quân tự vệ đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng (NQ: 1,48%/dân số).

(Về chỉ tiêu 11, thực hiện theo Thông tư số 33/2016/TT-BQP, ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Quốc phòng về “*Hướng dẫn một số điều của Luật dân quân tự vệ*” thì tiêu chí: “**Tỷ lệ lực lượng dân quân tự vệ/dân số**” được thay bằng tiêu chí: “**Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp**”)

12. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng “*Trong sạch vững mạnh*” từ năm 2015 đến 2017 đạt 62,39% (NQ: Trên 50%). Tỷ lệ phát triển đảng viên bình quân hàng năm đạt 5,28% (NQ: Trên 5%), trong đó đoàn viên thanh niên chiếm 65,76% (NQ: Trên 70%).

1. Trong lĩnh vực kinh tế

1.1. Phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, tài chính

a. Phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện, hiệu quả và bền vững góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với vấn đề nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đến nay sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn huyện từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chú trọng nâng cao giá trị gia tăng; bước đầu hình thành các vùng liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chăn nuôi gia trại, nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,3% (NQ: 4%). Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4%; lâm nghiệp tăng 5,4%; thủy sản tăng 6,2%.

Về trồng trọt, đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định diện tích sản xuất lúa đã chuyển đổi từ 03 vụ sang 02 vụ/năm; năng suất bình quân năm 2017 là 69,2 tạ/ha tăng 0,5 tạ/ha so năm 2015. Năm 2017, tổng sản lượng lương thực đạt 104.612,3 tấn (KH 100.000 tấn); nâng giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt đạt 121 triệu đồng/năm (NQ: 100 triệu đồng/năm). Triển khai xây dựng thành công 02 cánh đồng lớn sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Xây dựng 26 mô hình cánh đồng mẫu lớn tại 13 xã, thị trấn, liên kết sản xuất giống hơn 1.225 ha. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 18.886,4 ha đạt 102,09% so NQ, tăng 1,19% so năm 2015.

Về chăn nuôi, tiếp tục phát triển, công tác chỉ đạo khôi phục và phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm được chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt, không để tái phát, lây lan dịch bệnh. Từ năm 2016 đến nay có bước chuyển mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang hướng phát triển chăn nuôi gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh chương trình lai cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo; đẩy mạnh phát triển đàn bò thịt chất lượng cao. Tổng đàn bò 15.958 con, đạt 99,74% so NQ, giảm 3,4% so năm 2015. Tổng đàn heo 34.199 con, đạt 62,18% so NQ, giảm 29,21% so năm 2015. Tổng đàn gia cầm hơn 1,6 triệu con, đạt 97,4% so NQ, tăng 17,6% so năm 2015. Tỷ lệ bò lai trên 80%, đã quy hoạch 11 điểm chăn nuôi tập trung tại 11 xã và 2 điểm giết mổ gia súc tập trung tại thôn Phú Mỹ - xã Phước Lộc; thôn Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước.

Về thủy sản, tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, giảm diện tích nuôi bán thâm canh, tăng diện tích nuôi quản canh cải tiến, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường. Diện tích nuôi thủy sản 998,1 ha, đạt 99,61% so NQ, tăng 0,46% so năm 2015. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 1.951 tấn, đạt 124,27% so NQ, tăng 15,57% so năm 2015. Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 4.460 tấn, đạt 114,36% so NQ, tăng 11,65% so năm 2015. Toàn huyện có 762 chiếc tàu cá, sản lượng khai thác năm 2017 là 4.528,3 tấn (KH 3.900 tấn). Xây dựng thành công các mô hình nuôi tôm theo hướng an toàn sinh học xã Phước Thắng, tôm sú kết hợp cá chua theo hướng an toàn sinh học tại xã Phước Sơn, tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi theo hướng an toàn sinh học tại xã Phước Hòa.

Về lâm nghiệp, công tác quản lý và bảo vệ rừng được chú trọng; đã tổ chức phê duyệt quy hoạch phát triển và bảo vệ rừng đến năm 2020; tiếp tục duy trì ổn định diện tích rừng trồng kinh tế lên trên 1.220 ha; việc trồng rừng ngập mặn và trồng cây nhân dân được tăng cường, tỷ lệ che phủ rừng đạt 11,5% (NQ: 9%).

Về thủy lợi và phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đã tranh thủ được nguồn vốn của chương trình dự án, vốn ngân sách huyện, xã đầu tư gia cố, kiên cố đê sông Hà Thanh, sông Kôn, đê và đập An Thuận (Phước Nghĩa), Nha Phu (Phước Hòa)...; đầu tư kiên cố hóa kênh mương trên 121/175 km, đạt 69,2% KH. Quản lý tốt hệ thống tưới, tiêu, điều tiết nước hợp lý cho cây trồng, chống ngọt hóa đầm Thị Nại và điều tiết lũ; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động đạt hơn 95%. Hằng năm, đã chỉ đạo tổ chức kiên toàn ban chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện hiệu quả phương án di dời dân vùng nguy hiểm và các phương án phòng chống lụt bão ở địa phương.

Về củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, Trong nửa nhiệm kỳ qua, Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các HTX NN, đa phần các HTX đã góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế hộ thành viên thông qua việc tổ chức thực hiện các dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất. Đến nay, có 10 HTXNN liên doanh liên kết với doanh nghiệp nông nghiệp tổ chức thành viên sản xuất với tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả, với tổng diện tích 1.225 ha, hàng năm cung ứng gần 6.000 tấn lúa cho Công ty. Kết quả đánh giá xếp loại các HTX NN: 02 HTX đạt loại tốt; 04 HTX khá; 04 HTX trung bình và 04 HTX yếu.

Về xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động về “*Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*”. Đến nay, đã có 6/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 04 xã Phước Hòa, Phước Hiệp, Phước Quang, Phước Thuận sẽ đạt chuẩn trong năm 2018; xã Phước Thắng sẽ về đích trong năm 2019. Qua rà soát, đánh giá theo quy định của Chính phủ, huyện Tuy Phước đã đạt 4/9 tiêu chí huyện nông thôn mới gồm: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, thủy lợi, điện và sản xuất.

b. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển, nâng cao giá trị sản xuất

Trong nửa nhiệm kỳ qua, Huyện ủy luôn quan tâm chỉ đạo khuyến khích thu hút đầu tư sản xuất, hoạt động kinh doanh vào địa bàn. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân hàng năm 10,8% (NQ 10,3%). Đến nay toàn huyện có 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CN - TTCN, giải quyết việc làm cho khoảng 7.263 lao động, tăng 06 doanh nghiệp và 531 lao động so với năm 2015. Cụm công nghiệp Phước An đã đi vào hoạt động với diện tích 49,5ha, vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là 64,87 tỷ đồng, đạt tỷ lệ lấp đầy 100% và hiện có 21 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 1.831 lao động, giá trị sản xuất tại Cụm chiếm tỷ trọng 31,8% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của huyện. Ngoài ra, đã lập thủ tục đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt bổ sung quy hoạch 03 cụm công nghiệp: Bình An (Phước Thành - 25ha), Qui Hội (Phước An - 39,1ha) và Kỳ Sơn (Phước Sơn - 23,7ha) vào quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Tiếp tục hỗ trợ và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh các làng nghề truyền thống.

c. Tập trung phát triển phát triển thương mại, dịch vụ tương xứng với tiềm năng lợi thế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh đô thị hóa nông thôn

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện có bước phát triển. Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ tăng bình quân hàng năm 11,3% (NQ 10,3%). Đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các khu đô thị tại thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì, đã đầu tư nâng cấp và cải tạo lại 11 chợ nông thôn, đầu tư nâng cấp mở rộng và đưa vào sử dụng chợ mới Diêu Trì và chợ Phước Sơn; đang tập trung xây dựng và dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ đưa vào sử dụng chợ Gò Bồi, xã Phước Hoà. Các loại hình kinh doanh, dịch vụ tiếp tục phát triển. Công tác chỉ đạo triển khai đưa hàng Việt về cơ sở; kiểm tra kiểm soát thị trường, phòng chống gian lận thương mại được quan tâm.

d. Quản lý, huy động tốt các nguồn thu vào ngân sách nhà nước để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; hoạt động tín dụng, ngân hàng có bước tăng trưởng

Thực hiện tốt các giải pháp chỉ đạo, quản lý, điều hành và huy động có hiệu quả các nguồn thu vào ngân sách Nhà nước; các khoản thu trong cân đối ngân sách hàng năm đều vượt kế hoạch tỉnh giao và dự toán của huyện đã đề ra. Tốc độ tăng thu ngân sách hàng năm bình quân (tính đến hết tháng 6/2018 và chưa tính tiền sử dụng đất và Thu NQD Cục thuế quản lý) đạt 24,2% so KH tỉnh giao, tăng 23,1% so với dự toán huyện giao, tăng bình quân hàng năm 20,17% (NQ 10%). Chi ngân sách huyện qua các năm đều vượt kế hoạch, tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 6,7%.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng tiếp tục phát triển. Doanh số cho vay hàng năm tăng cao, số dư nợ tín dụng ngân hàng đạt 810 tỷ đồng, tăng 70% so với năm 2015. Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải quyết cho vay 9.429 hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn ưu đãi và kết hợp các chương trình cho vay khác, nâng tổng dư nợ cho vay tính đến ngày 30/4/2018 là 283.798 triệu đồng, nợ quá hạn còn 896 triệu đồng, chiếm 0,32%/tổng dư nợ. Hoạt động của 7 Quỹ tín dụng nhân dân có sự phát triển đáng kể, giải quyết nhu cầu vốn cho các thành viên đầu tư phát triển kinh doanh, tổng dư nợ của 07 Quỹ tín dụng nhân dân đạt 212.786 triệu đồng, tăng 11,9% so với cuối năm 2015.

1.2. Phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Trong nửa nhiệm kỳ qua, quán triệt và thực hiện tốt chủ trương về phát triển các thành phần kinh tế, huyện luôn tập trung khuyến khích đầu tư cũng như tạo điều kiện về cơ chế tài chính, đất đai, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng... nhằm phát huy tính năng động của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động. Hiện nay trên toàn huyện có 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động tại địa phương; hầu hết doanh nghiệp có quy mô lớn chủ yếu hoạt động trong ngành chế biến gỗ, khai thác đá. Một số doanh nghiệp đầu tư sản xuất ngoài cụm công nghiệp có quy mô lớn, kết hợp với các hộ sản xuất tiểu thủ công

nghiệp đã chú trọng đầu tư về chiều sâu, từng bước phát triển tạo ra được những sản phẩm mới, có chất lượng cao như: Sản xuất thực phẩm, may mặc; chế biến nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng và phương tiện vận tải... góp phần cơ bản chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Bên cạnh đó, các làng nghề truyền thống cũng được huyện quan tâm, từng bước đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ sản xuất tại làng nghề. Tuy vậy, hiệu quả hoạt động của các làng nghề chưa cao và đang dần mai một vì thiếu đầu ra, như: làng nghề sản xuất các sản phẩm từ cói xã Phước Thắng có 91/923 hộ sản xuất với 182 lao động, làng nghề bánh tráng Kim Tây xã Phước Hòa có 14/325 hộ sản xuất với 56 lao động.

Ngoài ra trong lĩnh vực kinh tế hợp tác, Huyện uỷ đã ban hành và triển khai thực hiện Chương trình hành động về “*Đổi mới, phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2016-2020*” góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đến nay, vốn kinh doanh dịch vụ bình quân của các HTX NN hàng năm tăng 6% (NQ: 20%); tổng doanh thu bình quân hàng năm tăng 9% (KH 15%); lợi nhuận bình quân hàng năm tăng 7% (KH 14%); số HTX hoạt động có lãi 8/13 HTX đạt 61,5% (KH 100%). Nợ tồn đọng các HTX NN đến 31/12/2017 là hơn 15,1 tỷ đồng, tỷ lệ thu nợ tồn đọng đạt 23% (KH 30%), thu nợ phát sinh đạt 94% (KH 95%).

1.3. Đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Việc đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, từng bước đổi mới bộ mặt đô thị, nông thôn và phục vụ nhu cầu dân sinh. Tổng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2016-2020 là 669.837 triệu đồng, tăng 20% so với giai đoạn 2011-2015 và đạt 59% so KH (ngân sách tỉnh: 214.094 triệu đồng, ngân sách huyện: 455.734 triệu đồng), trong đó: Đồi ửng và hỗ trợ các chương trình hơn 250 tỷ đồng; lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hơn 127 tỷ đồng; xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình dịch vụ thương mại hơn 97 tỷ đồng; lĩnh vực giao thông hơn 85 tỷ đồng; lĩnh vực giáo dục, văn hóa thể thao hơn 73 tỷ đồng; thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình chuyển tiếp hơn 31 tỷ đồng và lĩnh vực môi trường, nước sạch gần 4,1 tỷ đồng.

Đã chỉ đạo tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng tại thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, trung tâm xã Phước Hòa; tập trung triển khai công tác quy hoạch trung tâm xã Phước Sơn và Phước Lộc; đã đưa vào hoạt động chợ Diêu Trì với hơn 39,8 tỷ đồng vốn đầu tư, góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại dịch vụ của huyện. Đã tập trung chỉ đạo thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT640, đến nay đã hoàn thành giai đoạn I và đang triển khai giai đoạn II. Công tác quản lý và cung cấp nước sạch cho nhân dân được tập trung chỉ đạo; đã lắp đặt 2.715m đường ống cung cấp nước sạch cho 13.342 hộ, với hơn 1,5 triệu m³ nước. Hiện tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt 98,4% (NQ: 99%).

1.4. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực. Đã chỉ đạo hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2016 - 2020; tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất hằng năm. Trong nửa nhiệm kỳ qua, đã xét giao đất ở tái định cư 22.099m²/186 trường hợp, xét giao đất ở 11.084 m²/91 hộ gia đình; lập thủ tục trình UBND tỉnh giao 515.385m² đất/42 công trình, dự án; phê duyệt quy hoạch khu dân cư của các xã, thị trấn với diện tích 186.800m²; thực hiện việc thu hồi đất để triển khai thực hiện 65 công trình với diện tích 865.162m²; cho thuê 98.542m² đất/23 trường hợp; phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng 150 trường hợp; lập thủ tục cấp 2.921 giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân. Đã tổ chức giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP được 102.964/105.100 giấy, đạt 97,96% KH. Công tác thống kê, tổng hợp, chỉnh lý biến động đất đai và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai được tăng cường. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường được thực hiện đúng quy định; tổ chức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đối với các hộ gia đình, cá nhân, các chợ, trường học, cơ quan, tổ chức trên địa bàn dọc trục đường chính như: QL19, QL19C, QL1A, ĐT 640, ĐT 636. Đã đầu tư xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phước An với công suất thiết kế là 200m³/ngày đêm.

2. Văn hóa - xã hội

2.1. Từng bước thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục – đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Chất lượng giáo dục đại trà được giữ vững và từng bước được nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện chuyển biến theo chiều hướng tích cực; nền nếp kỷ cương trong dạy và học, trong kiểm tra đánh giá ngày một nghiêm túc hơn. Công tác phổ cập ở các cấp học, bậc học được duy trì và từng bước nâng cao chất lượng. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp hàng năm đạt tỷ lệ 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%, tuyển sinh lớp 6 hàng năm đều đạt trên 100% (NQ 100%). Tỷ lệ xét hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đều đạt tỷ lệ 100%, xét tốt nghiệp THCS hàng năm đạt trên 99%, tỷ lệ tốt nghiệp PTTH đạt 97,87%. Các điều kiện phục vụ cho việc dạy và học được tăng cường; đội ngũ giáo viên được tăng cả về số lượng và được nâng chuẩn về trình độ; công tác quản lý giáo dục có tiến bộ ở một số lĩnh vực, đã ngăn chặn và đẩy lùi kịp thời những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục. Toàn huyện đã có 52/63 trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó: Mầm non 9 trường, đạt 69,23% (NQ 50%), Tiểu học: 27 trường, đạt 90% (NQ 90%); THCS: 13 trường, đạt 100% (NQ 92,9%), THPT: 3 trường, đạt 60% (NQ 40%); 100% trường học đạt tiêu chuẩn “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Công tác khuyến học, khuyến tài ngày càng được các cấp chú trọng, góp phần động viên phong trào dạy và học cho giáo viên và học sinh, đồng thời giảm thiểu số lượng học sinh bỏ học giữa chừng hàng năm. Hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng từng bước có hiệu quả; công tác

xã hội hóa giáo dục không ngừng được nâng cao.

2.2. Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường công tác văn hóa, thể thao, truyền thanh

Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa thông tin, thể thao, truyền thanh tiếp tục được tăng cường. Các hoạt động kỷ niệm, chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước, của dân tộc, các lễ hội truyền thống của địa phương được duy trì và ngày càng có hiệu quả trong công tác giáo dục, tuyên truyền. Việc nâng cao chất lượng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” được quan tâm chỉ đạo; đến nay trong toàn huyện có 90/101 thôn đạt danh hiệu “*Thôn văn hóa*”, đạt 89,1% (NQ: 90%); có 93/135 cơ quan được công nhận danh hiệu “*Cơ quan văn hóa*”, đạt 68,88% (NQ: 100%); 06/11 xã được bảo lưu thành tích xây dựng “*Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới*”, đạt 54,54% (NQ: 100%); 46.820/49.025 hộ được công nhận “*Gia đình văn hóa*”, đạt 95,5% (NQ: 97%), trong đó đã chú trọng xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đề cao phát triển nhân cách con người và truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Đã duy trì và phát triển tốt Hội đánh bài chòi cổ dân gian của huyện, được nhân dân nhiệt tình cổ vũ, hưởng ứng. Phong trào “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*” tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều hoạt động thể dục thể thao được tổ chức đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia; đến nay, 35% số người (NQ: 40%) và 28% hộ gia đình (NQ 32%) thường xuyên luyện tập thể dục thể thao; số trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất đạt 100%. Chất lượng tin bài trên sóng phát thanh và các trang thông tin của huyện ngày càng được nâng cao.

Công tác đầu tư xây dựng, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn huyện được quan tâm. Đã đầu tư trùng tu, tôn tạo lại các di tích lịch sử: Vụ thăm sát Nho Lâm, Đình Văn Chỉ, Đình làng Vinh Thạnh, Mộ Nguyễn Diêu; mở rộng khuôn viên di tích lịch sử Nhà Lưu niệm Nhà thơ Xuân Diệu; lập quy hoạch tổng thể mở rộng khuôn viên và xây dựng một số hạng mục di tích lịch sử Chùa Bà; xây dựng hồ sơ đề cử Lễ hội Chợ Gò lên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ngoài ra, UBND tỉnh đã xếp hạng di tích “*Nước Mặn – Nơi phôi thai chữ Quốc ngữ*” là di tích lịch sử cấp tỉnh, nâng tổng số di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện được xếp hạng là 16, trong đó có 04 di tích cấp quốc gia và 12 di tích cấp tỉnh.

2.3. Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm được triển khai kịp thời, chưa để xảy ra ổ dịch lớn. Qua nửa nhiệm kỳ, mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở không ngừng được củng cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao; đã thực hiện khám, chữa bệnh cho 651.065 lượt người, 100% trạm y tế có bác sĩ tại chỗ

(NQ 100%); duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (NQ 100%). Các hoạt động về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em được duy trì thường xuyên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 10,9% (NQ: 10%). Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân 81,2% so với dân số (NQ: 80%).

2.4. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách đối với người có công với nước, chăm lo đời sống gia đình chính sách, hộ nghèo, đồng bào bị thiên tai. Trong nửa nhiệm kỳ qua, đã chi trả 81 tỷ đồng trợ cấp xã hội thường xuyên cho hơn 9.100 đối tượng bảo trợ xã hội; đã nhận phụng dưỡng suốt đời 100% mẹ Việt Nam Anh Hùng; hỗ trợ 5 tỷ đồng tiền điện cho 39.275 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; chi trả 70 tỷ đồng cho 1.845 người có công và thân nhân; hỗ trợ 3 tỷ đồng để cải thiện 79 nhà ở người có công. Ngoài ra, trong các dịp lễ tết, đã tổ chức thăm và tặng 22.264 suất quà, với tổng số tiền gần 4,5 tỷ đồng. Các Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai thực hiện đồng bộ. Đã tổ chức được 93 lớp chuyên giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, trình diễn mô hình cho hơn 5.670 lượt hộ dân; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi khắc phục hậu quả bão lũ trên 19,3 tỷ đồng; tổ chức 31 lớp dạy nghề lao động nông thôn cho gần 1.000 học viên, sau đào tạo có đến 86% học viên được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm hoặc tự tạo việc làm; ngoài ra, đã có 34 người tham gia xuất khẩu lao động sang các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Đã tổ chức được các phiên giao dịch việc làm lưu động tại nhiều địa phương, thu hút hàng nghìn người tham dự, tạo việc làm tăng thêm cho 2.943 lao động, đạt 117,2% KH. Nhờ vậy, tỷ lệ hộ nghèo của huyện hiện nay giảm còn 4,83%. Các chương trình, chính sách xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Công tác vận động hỗ trợ cho nhân dân có hoàn cảnh khó khăn, nhà sập do thiên tai được tập trung chỉ đạo.

3. Củng cố, tăng cường quốc phòng an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường việc thực thi pháp luật

Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt công tác quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về công tác quốc phòng - an ninh, phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Công tác bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được tập trung chỉ đạo. Thực hiện các kế hoạch diễn tập phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn cấp huyện; diễn tập phòng thủ vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị đạt kết quả tốt. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được tập trung thực hiện, đảm bảo đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng. Chỉ đạo thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, chiến sỹ làm công tác quân sự địa phương theo kế hoạch. Chú trọng thực hiện công tác đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên và giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu tình giao.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tập trung chỉ đạo, đã huy động sức mạnh tổng hợp của nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây mạnh công tác chủ động phát hiện, phòng ngừa đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông triển khai quyết liệt và giảm thiểu trên cả 3 tiêu chí. Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang huyện theo hướng chính quy, cơ bản đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Huyện ủy đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc cải cách tư pháp với quyết tâm cao và đạt được nhiều kết quả. Đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan tư pháp huyện đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, hoạt động bộ máy các cơ quan tư pháp đã đạt được kết quả cao. Nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử; quyền hạn trách nhiệm của điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán được thực hiện; hoạt động điều tra, truy tố, xét xử có nhiều chuyển biến, đảm bảo đúng pháp luật; quyền công tố được thực hiện và công tác kiểm soát đối với hoạt động tư pháp được tăng cường.

4. Xây dựng hệ thống chính trị

Trong nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2015 - 2020, Huyện ủy đã ban hành 07 kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, 05 Chương trình hành động và 03 Kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI trên từng lĩnh vực công tác trọng tâm. (Phụ lục 1)

4.1. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tập trung chỉ đạo. Đã tổ chức quán triệt các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị, Kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy cho cán bộ, đảng viên và các hội, đoàn thể nhân dân. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã mở 11 lớp nghiên cứu, học tập, quán triệt các văn bản của Đảng với tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập đạt trên 90%. Công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch đã được tập trung chỉ đạo. Công tác thông tin được duy trì thường xuyên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên và bồi dưỡng đối tượng phát triển đảng được quan tâm, đã tổ chức 45 lớp cho 5.891 học viên. Phối hợp mở 01 lớp Trung cấp lý luận chính trị tại huyện. Đã tổ chức thành công buổi gặp mặt, giao lưu sinh viên tiêu biểu của huyện hằng năm. Công tác biên soạn lịch sử Đảng được quan tâm chỉ đạo; đến nay đã có 11/13 xã, thị trấn (02 xã Phước Hòa, Phước Thắng đang hoàn thiện) và hai ngành Công an, Quân sự huyện xuất bản tập truyền thống đấu tranh cách mạng.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, đồng thời mỗi đảng viên tham gia

học tập đều viết bản thu hoạch và cam kết làm theo. Đã tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 03 của Bộ Chính trị (khóa XI) về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (khóa XII) về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*, tạo sự lan tỏa trong cán bộ, đảng viên về học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức của Bác, trong đó từng cấp ủy đảng đã đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào sinh hoạt định kỳ; các ngành, đoàn thể, địa phương đã kết hợp có hiệu quả nội dung của việc học tập và làm theo với các phong trào hoạt động, tạo được sự thống nhất đồng bộ trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

Triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*. Đến nay đã thực hiện chủ trương Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy đồng thời là Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện và kiện toàn lại Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe huyện. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về *“Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên”*, trong nửa nhiệm kỳ qua, Huyện ủy đã tập trung củng cố, xây dựng TCCSĐ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Việc đánh giá chất lượng TCCSĐ và đảng viên cuối năm được thực hiện chặt chẽ, thực chất. Số TCCSĐ đạt tiêu chuẩn *“Trong sạch vững mạnh”* từ năm 2015 đến 2017 đạt tỷ lệ 62,39%, không có TCCSĐ yếu kém; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước. Đã tổ chức kết nạp được 619 đảng viên mới, tỷ lệ kết nạp đảng viên bình quân hàng năm 5,28% (NQ: 5% trở lên). Đã thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và các chức danh chủ chốt của huyện; phê duyệt quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các xã - thị trấn, cán bộ lãnh đạo, quản lý của huyện, nhiệm kỳ 2020-2025. Công tác luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy định; từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã bổ nhiệm 17 đồng chí và luân chuyển 04 cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban của huyện về giữ chức vụ bí thư, phó bí thư đảng ủy các xã, thị trấn. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện chặt chẽ. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, đảng viên được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”* theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy. Huyện ủy đã ban hành kế hoạch thực hiện và tổ chức triển khai trong toàn Đảng bộ. Hàng năm, tổ chức đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (khóa XII). Quá trình thực hiện Nghị quyết đã góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương, có tác dụng cảnh báo, răn đe, tạo tiền đề đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. Huyện ủy xác định đây là nhiệm vụ phải duy trì

thường xuyên và lâu dài để góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, giữ vững niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đến nay, chưa có cán bộ, đảng viên được xác định có hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”.

Công tác kiểm tra, giám sát được tập trung thực hiện và từng bước đổi mới đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong nội bộ Đảng. Tư tưởng, nhận thức về công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng có chuyển biến tích cực. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy đã kịp thời ban hành và triển khai các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; trên cơ sở đó, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã xây dựng và thực hiện theo chương trình, kế hoạch từng năm, bám sát nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, ngày càng bảo đảm tính “*chủ động, chiến đấu, giáo dục và hiệu quả*” (Phụ lục 3). Trong nửa nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp đã kiểm tra 238 lượt tổ chức đảng; ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 211 lượt tổ chức đảng. Về giám sát, cấp ủy các cấp giám sát 124 lượt tổ chức đảng; ủy ban kiểm tra các cấp giám sát chuyên đề 17 lượt đảng viên, 27 lượt tổ chức đảng. Qua kiểm tra, giám sát đa số các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện tốt nội dung được kiểm tra, giám sát. Đối với những tổ chức đảng và đảng viên còn hạn chế, khuyết điểm, đã được cấp ủy và ủy ban kiểm tra chỉ đạo khắc phục kịp thời. Tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật Đảng: 29; trong đó, khiển trách: 17, cảnh cáo: 09, cách chức: 03. Công tác giải quyết đơn thư khiếu tố về kỷ luật Đảng được tập trung chỉ đạo theo quy định.

4.2. Tiếp tục xây dựng chính quyền vững mạnh, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân

Phát huy chức năng là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, HĐND các cấp đã phát huy được ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và các Nghị quyết của Huyện ủy. Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử Đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021. Chất lượng hoạt động và vai trò giám sát của HĐND ngày càng nâng cao. Bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động có bước tiến bộ; kỷ cương hành chính được tăng cường. Đã chỉ đạo củng cố kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và các xã, thị trấn nhất là cán bộ chủ chốt, đảm bảo các tiêu chuẩn, năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng bộ máy chính quyền gần dân, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Công tác giải quyết khiếu tố của công dân được tập trung chỉ đạo và được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được chú trọng. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được tập trung chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được quan tâm chỉ đạo; 100% cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn thực hiện cơ chế “*Một cửa*”

và đạt được một số kết quả tích cực, tạo được sự chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa nhà nước và tổ chức, công dân. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước được tập trung chỉ đạo rộng khắp; trong nửa nhiệm kỳ qua, huyện đã đầu tư trên 1,4 tỷ đồng mua sắm các trang thiết bị, phần mềm phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Ngoài ra, đã triển khai thực hiện phần mềm văn phòng điện tử từ huyện đến các UBND xã, thị trấn, các văn bản, chỉ đạo, điều hành đều được thực hiện qua môi trường mạng. Hiện đang tiến hành xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến kết nối từ huyện đến các xã, thị trấn. Đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có máy tính để sử dụng đạt trên 98%, trên 50% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ; dịch vụ công trực tuyến đã triển khai được trên 12 lĩnh vực, với 66 thủ tục hành chính mức độ 1 - 2 và 05 thủ tục hành chính đạt mức độ 3.

4.3. Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, nâng cao hiệu quả hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Công tác dân vận của cả hệ thống chính trị ngày càng được tăng cường và đổi mới, đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng sát cơ sở; đa dạng hóa các loại hình tập hợp hội, đoàn viên và nhân dân; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, kịp thời phản ánh, đề xuất với các cấp ủy đảng và chính quyền giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Công tác phát triển hội, đoàn viên và xây dựng lực lượng nòng cốt được chú trọng. Đã chỉ đạo triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia giám sát và phản biện xã hội, giải quyết đơn thư khiếu tố của nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội mãn nhiệm kỳ của các Hội đoàn thể. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được đẩy mạnh, nhất là cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội XXI Đảng bộ huyện Tuy Phước, nền kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và phát triển; các lĩnh vực kinh tế trọng yếu đều tăng trưởng; thu ngân sách đạt khá; các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá xã hội có bước tiên bộ; các vấn đề an sinh xã hội được giải quyết kịp thời; đời sống nhân dân ổn định và ngày càng được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được tăng cường; công tác xây dựng Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền các cấp được củng cố, kiện toàn; công tác Mặt trận và các đoàn thể có chuyển biến tích cực.

III. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện trong nửa nhiệm kỳ qua vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm:

1. Nền kinh tế của huyện tuy tăng trưởng nhưng tốc độ chưa cao; chỉ số tăng trưởng kinh tế một số lĩnh vực còn đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Công nghiệp phát triển nhưng chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn vào địa bàn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm, lúng túng. Công tác hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư, triển khai thi công xây dựng một số công trình trọng điểm chưa đảm bảo tiến độ. Công tác chỉnh trang đô thị chưa đáp ứng yêu cầu, hạ tầng đô thị còn nhiều vấn đề bức xúc.

2. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn liền với công nghiệp chế biến và đầu ra sản phẩm còn bấp bênh; hiệu quả hoạt động của các HTX NN chưa có chuyển biến mạnh, còn lúng túng; một số Quỹ tín dụng nhân dân tỷ lệ nợ xấu còn cao. Một số nguồn thu vào ngân sách tuy đạt nhưng một số khoản thu thiếu ổn định, tỷ lệ nợ đọng thuế hàng năm vẫn còn chiếm tỷ lệ cao. Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, đất được giao trái thẩm quyền, thu tiền trái quy định còn chậm; công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất thực hiện theo dự án VLAP chưa đạt yêu cầu; tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra.

3. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đồng bộ giữa các vùng, số lượng học sinh bỏ học còn cao ở cấp THPT. Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* ở một số địa phương chưa có chuyển biến về chất lượng; việc trùng tu, tôn tạo một số di tích lịch sử văn hóa chậm; công tác bảo tồn phát huy các di sản văn hóa chưa được khai thác và phát huy hiệu quả, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao ở huyện và cơ sở chưa đạt yêu cầu theo quy hoạch. Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ tại chỗ đạt thấp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng thiếu bền vững; công tác đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

4. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiềm lực trong khu vực phòng thủ có mặt còn hạn chế. Trật tự an toàn xã hội có mặt diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm hình sự có chiều hướng gia tăng, đối tượng vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao; tai nạn giao thông được kiểm chế nhưng chưa vững chắc; an ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định. Tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người còn xảy ra; giải quyết yêu cầu, kiến nghị qua tiếp dân và thực hiện kết luận, quyết định sau thanh tra của các địa phương và một số ngành, ở một số vụ việc còn kéo dài; kỷ cương, kỷ luật hành chính có một số biểu hiện chưa nghiêm.

5. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội có lúc có nơi chưa kịp thời; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số TCCSĐ chưa mạnh. Công tác nắm tình hình để phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm còn hạn chế; một số cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cơ sở thực hiện quy trình, thủ tục về công tác kiểm tra, giám sát còn lúng túng. Hoạt động của hệ thống dân vận ở cơ sở có chuyển biến nhưng chưa thật sự đồng đều, một số phong trào chưa đi vào chiều sâu; lực lượng nòng cốt ở cơ sở đông nhưng chưa mạnh; công tác giám sát và phản biện xã hội có nơi còn lúng túng. Công tác phối hợp giữa Mặt trận, các đoàn thể

với chính quyền ở một số cơ sở thiếu đồng bộ nên việc tham mưu cho cấp ủy có một số mặt chưa toàn diện.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng chủ yếu vẫn do các nguyên nhân chủ quan sau:

Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ; sự phối kết hợp chưa chặt chẽ; năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên một số lĩnh vực của một số lãnh đạo các ngành, địa phương còn yếu, thụ động, lúng túng. Trong chỉ đạo, điều hành của UBND huyện vẫn còn một số lĩnh vực chưa được tập trung đúng mức. Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ công chức, người đứng đầu một số ngành, địa phương trong việc thực thi nhiệm vụ chưa cao; chỉ đạo xử lý một số vấn đề hạn chế, yếu kém chưa tập trung, thiếu kiên quyết.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020

Trong nửa nhiệm kỳ còn lại, tình hình kinh tế thế giới, trong nước vẫn còn diễn biến khó lường; thời tiết diễn biến bất thường; an ninh trật tự xã hội có lúc có nơi vẫn còn tiềm ẩn phức tạp đã tác động không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, nhiệm vụ từ nay đến năm 2020 là rất nặng nề, có ý nghĩa then chốt trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã đề ra. Yêu cầu các ngành, các địa phương, đơn vị cần tập trung quán triệt nội dung Nghị quyết, rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu của từng ban, ngành để chỉ đạo, điều hành nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng

1.1. Phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, tài chính

a. Tiếp tục phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện, hiệu quả và bền vững góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2020

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, toàn diện và bền vững thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phấn đấu 100% các xã còn lại trên địa bàn huyện đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2020. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm 4,3%. Sản lượng lương thực ổn định bình quân hàng năm 100.000 tấn; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 100 triệu đồng/năm; xây dựng và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống lụt bão.

Về trồng trọt, Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ. Ổn định diện tích 2 vụ lúa/năm, diện tích sản xuất lúa đến năm 2020 là 14.800 ha; tăng cường đầu tư thâm canh và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, năng suất lúa bình quân trên 68,5 tạ/ha. Duy trì và mở rộng vùng sản xuất lúa giống (KH 2.000 ha) tập trung chủ yếu ở xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Hiệp. Tập trung kêu gọi các doanh nghiệp liên doanh, liên kết xây dựng vùng sản xuất lúa thật chất lượng cao (KH 4.000 ha), bố trí ở những vùng chuyên sản xuất lúa, không thể chuyển đổi cây trồng được, tập trung ở các xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Hòa, Phước An. Mở rộng vùng trồng hoa, vùng sản xuất rau an toàn ở những nơi có điều kiện để nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 31-KH/HU của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy về Phát triển nông nghiệp-nông thôn giai đoạn 2016-2020.

Về chăn nuôi, phát triển theo hướng hiệu quả kinh tế và bền vững; đầu tư mở rộng hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; tranh thủ các dự án phát triển chăn nuôi bò chất lượng cao, tạo điều kiện nhân dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, tín dụng hộ nghèo để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hình thành các vùng nuôi gia cầm ở các xã Phước Thành, Phước An, Phước Nghĩa, Phước Hòa, Phước Sơn. Phân đầu đến năm 2020 tổng đàn trâu, bò đạt 16.000 con, trong đó bò chất lượng cao, bò lai trên 85%; đàn heo 55.000 con, đàn gia cầm 1.700.000 con; gắn chăn nuôi với việc phát triển các công trình khí sinh học. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc và công tác giám sát dịch bệnh.

Về lâm nghiệp, tiếp tục phát triển trồng rừng kinh tế tập trung, trồng cây nhân dân, phòng chống cháy rừng trên địa bàn; triển khai quy hoạch bảo vệ rừng và phát triển rừng đến năm 2020 đã được phê duyệt. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 là 9%. Xúc tiến đề nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền lập dự án kêu gọi đầu tư, trồng rừng ngập mặn khu sinh thái Cồn Chim để phát triển du lịch sinh thái trong thời gian đến.

Về thủy sản – diêm nghiệp, đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả kinh tế; sản xuất đúng lịch thời vụ, áp dụng mô hình nuôi xen, đa canh sản phẩm ngư nghiệp; kiểm tra, kiểm soát nguồn giống đảm bảo chất lượng, sạch bệnh đưa vào nuôi trồng. Ổn định diện tích nuôi trồng hàng năm đạt 997 ha (tôm thâm canh và bán thâm canh là: 100 ha, thuộc khu vực trên đê của 4 xã Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận). Chú trọng ứng dụng nhân rộng các mô hình nuôi an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Kiểm tra, hướng dẫn ngư dân thực hiện quản lý môi trường nuôi, chăm sóc, phòng ngừa dịch bệnh cho tôm nuôi. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả việc sử dụng kích điện đánh bắt thủy sản ở mặt nước tự nhiên, nhất là trên đầm Thị Nại. Tiếp tục vận động diêm dân sản xuất muối theo mô hình trái bặt ở ô kết tinh và ổn định.

Về xây dựng nông thôn mới, tiếp tục triển khai xây dựng huyện Tuy Phước đạt huyện nông thôn mới; trong đó, phần đầu năm 2019 có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới và đến năm 2020 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

b. Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của huyện, phần đầu tốc độ tăng bình quân hàng năm giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng đạt 10,3%. Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư 03 cụm Công nghiệp Bình An, Phước Thành; Qui Hội, Phước An; Kỳ Sơn, Phước Sơn; đồng thời, phát triển các điểm công nghiệp khác ngoài cụm ở các xã có điều kiện. Đẩy mạnh chương trình khuyến công và các làng nghề truyền thống, xây dựng thương hiệu làng nghề sẵn có gắn với phát triển các sản phẩm có thể mạnh đồng thời khuyến khích đầu tư sản xuất với công nghệ tiên tiến, gắn sản xuất với bảo vệ môi trường. Ngoài ra, với lợi thế về giao thông gắn với việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tập trung tổ chức phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án trên địa bàn, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vùng có điều kiện để chủ động xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án du lịch, công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn, các dự án phục vụ khu kinh tế Nhơn Hội và các dự án lớn của tỉnh triển khai trên địa bàn. Hoàn thành đầu tư các dự án điện nông thôn, tăng chất lượng dịch vụ điện cho nhân dân. Tăng cường công tác quản lý đô thị, các chốt đèn tín hiệu giao thông, công viên cây xanh và cung cấp nước sạch.

c. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển thương mại, dịch vụ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh đô thị hóa nông thôn

Huy động và khuyến khích các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào các dự án thương mại, dịch vụ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các khu đô thị, các chợ trong hệ thống quy hoạch được duyệt. Triển khai có hiệu quả các giải pháp bình ổn giá thị trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, kém chất lượng. Hỗ trợ, tạo điều kiện để mở rộng các loại hình kinh doanh thương mại, dịch vụ công cộng xã hội, dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ nông nghiệp. Chú trọng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ chất lượng cao, phần đầu giá trị gia tăng bình quân 10,3%/năm.

d. Tăng cường quản lý tài chính, ngân sách, tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, ngân hàng

Triển khai thực hiện tốt các giải pháp huy động các nguồn thu ngân sách, phần đầu vượt chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm và mức tăng thu 10%/năm. Chủ động khai thác, thu hút và nuôi dưỡng các nguồn thu; tăng cường quản lý, kinh doanh trên địa bàn để quản lý thu kịp thời, đúng quy định; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu

quả hoạt động tín dụng của ngân hàng và các Quỹ tín dụng nhân dân. Thực hiện cho vay ưu đãi chính sách đúng mục đích, đối tượng và giải ngân trực tiếp đến đối tượng. Quản lý, giám sát chặt nhằm tăng cường hiệu quả các nguồn vốn vay.

1.2. Phát triển các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn để tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận và tập trung vốn đầu tư, tăng cường đổi mới công nghệ, tăng chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu góp phần quan trọng tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu. Tiếp tục củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn, cung ứng các dịch vụ tốt cho nhân dân, quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lợi nhuận, quản lý chặt chẽ nguồn vốn hoạt động; các cấp, ngành tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và kinh tế hợp tác xã phát triển.

1.3. Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch đã phê duyệt, khảo sát, nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đã có để nâng cao chất lượng quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Tiếp tục lập quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng tại thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì; xây dựng trung tâm xã Phước Hòa, Phước Lộc và Phước Sơn để đủ điều kiện phát triển lên đô thị loại V. Xây dựng huyện Tuy Phước là đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn theo định hướng của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ phát triển đô thị đạt 42%.

Tập trung đầu tư các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện, kiến nghị cấp thẩm quyền tổ chức đầu tư và phân bổ nguồn vốn, giao kế hoạch đầu tư, nâng cấp hoàn thành tuyến QL19C, ĐT636, nhất là tiếp tục triển khai dự án nâng cấp, mở rộng ĐT640 đoạn từ cầu Ông Đô đến trung tâm huyện lỵ, đồng thời kiến nghị tiếp tục nâng cấp, mở rộng đoạn từ trung tâm huyện lỵ đi Cát Tiến và hệ thống cầu đã xuống cấp, số cầu cần đầu tư mới, kết hợp với đầu tư trên 100km đường giao thông nông thôn nhằm tạo sự kết nối giao thông đồng bộ với thành phố Quy Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội trong quy hoạch là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung Bộ, đồng thời đáp ứng nhu cầu vận tải cho các dự án lớn của tỉnh. Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư của Trung ương về tiếp tục triển khai dự án biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nguồn đầu tư phát triển của tỉnh gắn với nguồn vốn của địa phương tập trung đầu tư các cơ sở hạ tầng, trong đó tập trung đầu tư cho các xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh; hoàn thành xây dựng sân vận động huyện; cơ sở hạ tầng chợ Gò Bồi; mở rộng khu đô thị phía đông bắc xã Phước Hòa theo quy hoạch được duyệt, kiên cố hóa kênh mương và đầu tư các công trình bức xúc khác trên các lĩnh vực hạ tầng đô thị, hạ tầng công nghệ thông tin

giai đoạn 2016-2020.

1.4. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tập trung thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đã được duyệt; tổ chức xét giao đất ở đối với nhân dân, giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu; thực hiện chỉnh lý biến động đất đai kịp thời, thống kê, kiểm kê đất đai đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm đất đai, đất giao không đúng thẩm quyền, thu tiền không đúng quy định; tăng cường thanh tra đất đai, thu hồi đất dự án không đầu tư hoặc sử dụng không hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSD đất ở lần đầu theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục triển khai mở rộng địa bàn thu gom rác thải theo đề án đã được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra công tác khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với nông thôn mới, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

2. Văn hóa, xã hội

2.1. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, góp phần nâng cao nguồn nhân lực

Tăng cường công tác quản lý giáo dục và đào tạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Củng cố đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học. Duy trì 100% số trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo, 6 tuổi vào lớp 1 và 100% học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học vào lớp 6; duy trì và từng bước nâng cao công tác phổ cập các cấp học, bậc học. Triển khai có hiệu quả các giải pháp giảm thiểu số lượng học sinh bỏ học, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia và “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”,...Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Học tập cộng đồng, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

2.2. Tiếp tục thực hiện việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thanh

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các dịch vụ văn hóa thông tin, thể thao. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động trực quan và tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, các ngày lễ, hội lớn trong năm. Tăng cường công tác bảo tồn, quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn. Tiếp tục tham mưu các cấp triển khai thực hiện xây dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục phấn đấu đến năm 2020, có 11/11 (100%) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; 01 thị trấn (50%) đạt danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, 90% số thôn đạt “Thôn văn hóa”, 97% trở lên số hộ đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 100% cơ quan đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”. Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công

nghe thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước, xem đây là một trong những giải pháp thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, góp phần từng bước hiện đại nền hành chính công và nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương; tập trung chỉ đạo sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, hệ thống văn phòng điện tử, hộp thư điện tử công vụ, nâng cao chất lượng hoạt động của trang thông tin điện tử huyện, xây dựng trang thông tin điện tử các xã, thị trấn, hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến kết nối từ huyện đến các xã, thị trấn.

2.3. Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế ở cơ sở. Triển khai có hiệu quả công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống, kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; duy trì thường xuyên công tác kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động hành nghề y dược tư nhân. Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; phấn đấu 100% trạm y tế có bác sỹ tại chỗ. Chú trọng triển khai xây dựng xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế và chương trình thôn sức khỏe, gia đình sức khỏe. Triển khai hiệu quả chương trình dân số KHHGD; chú trọng vận động giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

2.4. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công, người nghèo, trẻ em và các đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định; thực hiện hỗ trợ xây dựng xóa nhà ở đơn sơ cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách; triển khai thực hiện tốt các chương trình về giảm nghèo, giải quyết việc làm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020, nhằm tạo việc làm cho người lao động. Triển khai BHYT toàn dân, phấn đấu cuối năm 2020 tỷ lệ tham gia BHYT đạt kế hoạch Nghị quyết đề ra.

Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em; thực hiện các chương trình, đề án, các hoạt động trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; duy trì 100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp trẻ em. Tổ chức huy động các nguồn đóng góp ủng hộ của các cá nhân, tổ chức có lòng hảo tâm để cứu trợ kịp thời cho nhân dân các vùng gặp thiên tai, lũ lụt, khó khăn; triển khai có hiệu quả kế hoạch hiến máu tình nguyện hàng năm.

3. Củng cố tăng cường quốc phòng an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường thực thi pháp luật

Tăng cường chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong việc kiểm tra, kiểm soát nắm chắc tình hình địa bàn, chủ động phòng chống và làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động bất ngờ, giữ vững ổn định chính trị ở địa phương. Xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao, làm tốt nhiệm vụ tham gia bảo vệ trị an và sẵn sàng động viên khi có tình huống; tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ...Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, diễn tập và tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, phấn đấu giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tình giao. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng phản động, các băng nhóm tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức; hạn chế thấp nhất tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm ma túy, các tệ nạn xã hội, tội phạm gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ; áp dụng đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo.

4. Xây dựng hệ thống chính trị

4.1. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong huyện. Nâng cao cảnh giác, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng – văn hoá; chống mọi biểu hiện mơ hồ về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020. Duy trì thường xuyên công tác thông tin. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên và bồi dưỡng đối tượng phát triển Đảng. Chủ động tổ chức việc nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng và tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để có biện pháp giải quyết phù hợp.

Tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự*

chuyển hóa" trong nội bộ" nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng và rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, coi trọng công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng - xem đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên tục và cần tiếp tục lựa chọn một số giải pháp trọng tâm, giải quyết dứt điểm những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gây bức xúc trong dư luận; thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về *"Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"* gắn với thực hiện CTHĐ về *"Công tác cán bộ giai đoạn 2016 – 2020"* và Kế hoạch của Huyện ủy về *"Phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020"*. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ từ khâu tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ, đảm bảo về phẩm chất đạo đức, tiêu chuẩn, năng lực công tác; thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ ở những nơi có khó khăn. Tiếp tục triển khai Kế hoạch của Huyện ủy về *"Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên giai đoạn 2016-2020"*. Làm tốt công tác phát triển đảng viên, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm đảm bảo đúng thực chất. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10 của Ban Bí thư (khóa X) về *"Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ"*. Tăng cường công tác xây dựng đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đảm bảo giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên, phòng ngừa hiện tượng *"tự diễn biến"*, *"tự chuyển hóa"* trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện Quy định số 30 của Trung ương Đảng (khóa XII) về *"Thi hành Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng"*; Quy định số 86 của Bộ Chính trị (khóa XII) về *"Giám sát trong Đảng"*; Quy định số 102 của Trung ương Đảng (khóa XII) về *"Xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm"*; Kết luận số 72 của Bộ Chính trị (khóa X) về *"Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020"*. Xây dựng và chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm gắn với chương trình toàn khóa, đồng thời phải có trọng tâm, trọng điểm sát với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị. Tăng cường giám sát, nhất là việc khắc phục những sai phạm sau kết luận thanh tra, kiểm tra. Đề cao việc tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên, xác định đúng dẫn trách nhiệm, nhất là người đứng đầu. Kịp thời giải quyết các đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến cán bộ đảng viên. Gắn công tác kiểm tra với công tác tư tưởng chính trị, tổ chức cán bộ, công tác xây dựng chính đồn Đảng; xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Thường xuyên kiện toàn, bổ sung kịp thời đội ngũ cán bộ kiểm tra từ huyện đến cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Không ngừng đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo hướng đồng bộ, nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả.

4.2. Tiếp tục xây dựng chính quyền vững mạnh, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu

Tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan chính quyền từ huyện đến cơ sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ công chức các phòng, ban và UBND các xã- thị trấn nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức theo kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính thông qua cơ chế “*một cửa*” và “*một cửa liên thông*”, loại bỏ các thủ tục gây phiền hà cho tổ chức và công dân, nhất là đối với một số lĩnh vực nhạy cảm. Kiên quyết đấu tranh phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, thực hiện thanh tra theo kế hoạch; duy trì việc tiếp công dân định kỳ, tập trung rà soát, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền còn tồn đọng và phát sinh; tăng cường thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; tăng cường công tác hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, phấn đấu 100% tổ hòa giải hoạt động hiệu quả; tăng cường thi hành án có điều kiện thi hành.

4.3. Tăng cường công tác dân vận, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về công tác dân vận; nâng cao nhận thức của toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 25 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) về “*Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*” và Quyết định số 290 của Bộ Chính trị (khóa X) về “*Ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*”. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 62 của Bộ chính trị (khóa X) về “*Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội*”. Thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định số 217 của Bộ chính trị (khóa XI), bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp cho hội đoàn viên và nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh theo Quyết định số 218 của Bộ Chính trị (khóa XI), góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cấp ủy đảng, chính quyền với nhân dân. Tiếp tục nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; vận động nhân dân giữ vững ổn định chính trị, tham gia bảo vệ Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Bước vào những năm cuối của nhiệm kỳ 2015 – 2020, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XXI Đảng bộ huyện Tuy Phước với nhiều thời cơ, thuận lợi đồng thời cũng song trùng với những thách thức, khó khăn mới nhưng với quyết tâm của toàn Đảng bộ và nhân dân huyện nhà, chúng ta tin tưởng sẽ giành thắng lợi trong thời gian đến. Với tinh thần đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tuy Phước (khóa XXI) kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện hãy đoàn kết một lòng, phát huy cao độ truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, nắm bắt những thời cơ, vượt mọi khó khăn, hăng hái phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XXI Đảng bộ huyện, đưa huyện Tuy Phước phát triển nhanh, toàn diện và vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
 - Các Ban của Tỉnh ủy,
 - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,
 - Văn phòng Tỉnh ủy,
 - Các đồng chí Huyện ủy viên,
 - Các Ban của Huyện ủy,
 - Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy,
 - Các tổ chức cơ sở đảng,
 - Các phòng ban, ngành,
Mặt trận và đoàn thể huyện,
 - Lưu VPHU.
- (Báo cáo)

T/M HUYỆN ỦY
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục 1:

DANH MỤC
CÁC CTHĐ, KẾ HOẠCH CỦA HUYỆN ỦY THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XXI;
THỰC HIỆN CTHĐ CỦA TỈNH ỦY KHÓA XIX
(NHIỆM KỲ 2015 – 2020)

STT	Kế hoạch của Huyện ủy thực hiện CTHĐ của Tỉnh ủy khóa XIX (nhiệm kỳ 2015 – 2020)	
1	Kế hoạch số 30-KH/HU, ngày 24/02/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 10-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020” .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
2	Kế hoạch số 31-KH/HU, ngày 06/4/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 09-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020” .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
3	Kế hoạch số 32-KH/HU, ngày 06/4/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 11-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020”	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
4	Kế hoạch số 38-KH/HU, ngày 06/7/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 08-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ đảng viên giai đoạn 2016-2020” .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
5	Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 07/7/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 07-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020” .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
6	Kế hoạch số 40-KH/HU, ngày 07/7/2017 của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 06-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020” .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ

Kế hoạch của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện (khóa XXI)		
7	Kế hoạch số 10-KH/HU, ngày 22/4/2016 của Huyện ủy về <i>“Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề giai đoạn 2016- 2020”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
8	Kế hoạch số 14-KH/HU, ngày 30/5/2016 của Huyện ủy về <i>“ Tiếp tục Đổi mới phương thức tập hợp thanh niên trong tình hình mới giai đoạn 2016-2020”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
9	Kế hoạch số 17-KH/HU, ngày 19/7/2016 của Huyện ủy tiếp tục thực hiện CTHĐ của Tỉnh ủy về <i>“Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
10	Quyết định số 258-QĐ/HU, ngày 22/3/2017 của Huyện ủy điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, chỉ tiêu Chương trình hành động số 04-CTr/HU ngày 19/7/2016 của Huyện ủy, về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI về <i>“Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2016-2020”</i>	
Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện (khóa XXI)		
11	Chương trình hành động số 01-CTr/HU, ngày 19/4/2016 của Huyện ủy về <i>“Công tác cán bộ giai đoạn 2016-2020”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
12	Chương trình hành động số 02-CTr/HU, ngày 06/6/2016 của Huyện ủy về <i>”Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
13	Chương trình hành động số 03-CTr/HU, ngày 29/6/2016 của Huyện ủy về <i>“Công tác đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự trong tình hình mới”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
14	Chương trình hành động số 04-CTr/HU, ngày 19/7/2016 của Huyện ủy về <i>“Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2016-2020”</i>	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ
15	Chương trình hành động số 05-CTr/HU, ngày 25/7/2016 của Huyện ủy về <i>“Đổi mới, phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2016-2020”</i> .	Đã sơ kết giữa nhiệm kỳ

Phụ lục 2:

CÁC BÁO CÁO CỦA HUYỆN ỦY SƠ, TỔNG KẾT CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, QUY ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG, TỈNH ỦY, HUYỆN ỦY

STT	Các Báo cáo của Huyện ủy sơ, tổng kết các Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định của Trung ương
	<i>Báo cáo tổng kết</i>
1	Báo cáo số 52-BC/HU, ngày 01/8/2016 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về <i>tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.</i>
2	Báo cáo số 84-BC/HU, ngày 22/02/2017 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về <i>“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”.</i>
3	Báo cáo số 87-BC/HU, ngày 27/3/2017 của Huyện ủy tổng kết 05 năm thực hiện Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 10/01/2012 của Ban Bí thư khóa XI về <i>công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên.</i>
4	Báo cáo số 91-BC/HU, ngày 05/4/2017 của Huyện ủy tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về <i>công tác tôn giáo.</i>
5	Báo cáo số 106-BC/HU, ngày 12/7/2017 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về <i>công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH – HĐH đất nước.</i>
6	Báo cáo số 123-BC/HU, ngày 25/9/2017 của Huyện ủy tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư (khóa XI) về <i>“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”.</i>
7	Báo cáo số 143-BC/HU, ngày 12/01/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) <i>“Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”.</i>
8	Báo cáo số 149-BC/HU, ngày 26/02/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về <i>“Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.</i>
9	Báo cáo số 152-BC/HU, ngày 19/3/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư <i>“Về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới”</i> và Thông báo Kết luận số 154-TB/TW ngày 20/12/2014 của Ban Bí thư về 05 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW.
10	Báo cáo số 164-BC/HU, ngày 24/5/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về <i>“nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”.</i>

11	Báo cáo số 165-BC/HU, ngày 24/05/2018 của Huyện ủy tổng kết thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
12	Báo cáo số 173-BC/HU, ngày 20/6/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
13	Báo cáo số 181-BC/HU, ngày 20/7/2018 của Huyện ủy tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới trên địa bàn huyện.
	Báo cáo sơ kết
14	Báo cáo số 35-BC/HU, ngày 25/4/2016 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới”.
15	Báo cáo số 85-BC/HU, ngày 27/02/2017 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
16	Báo cáo số 107-BC/HU, ngày 14/7/2017 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/4/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.
17	Báo cáo số 132-BC/HU, ngày 20/11/2017 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020”.
18	Báo cáo số 148-BC/HU, ngày 22/02/2018 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Quy định số 263-QĐ/TW, ngày 08/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.
19	Báo cáo số 150-BC/HU, ngày 13/3/2018 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TU, ngày 10/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị vùng đồng bằng với các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.
20	Báo cáo số 159-BC/HU, ngày 26/4/2018 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 05/01/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ trương, giải pháp giải quyết vấn đề hoạt động phục hồi “Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất”.
21	Báo cáo số 166-BC/HU, ngày 24/5/2018 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
22	Báo cáo số 179-BC/HU, ngày 06/7/2018 của Huyện ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

Phụ lục 3

**HUYỆN ỦY ĐÃ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI, QUÁN TRIỆT CÁC KẾT LUẬN,
CHỈ THỊ, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN CỦA TRUNG ƯƠNG, TỈNH ỦY**

STT	Các Hướng dẫn, Chỉ thị, Quy định của Trung ương, Tỉnh ủy
1	Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về “ <i>Tinh giản biên chế</i> ”.
2	Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 04/01/2016 của Bộ Chính trị về “ <i>Lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021</i> ”.
3	Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “ <i>Thi hành Điều lệ Đảng</i> ”.
4	Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thi hành chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về <i>công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng</i> .
5	Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về <i>giám sát trong Đảng</i>
6	Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về <i>xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm</i> .
7	Quy định số 109-QĐ/TW, ngày 03/01/2017 của Ban Bí thư về <i>công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên</i> .
8	Quy định số 01-QĐ/UBKTTW, ngày 03/5/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về <i>tổ chức hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát</i> .
9	Quy định số 02-QĐ/UBKTTW, ngày 11/5/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về <i>sổ nhật ký của đoàn kiểm tra</i> .
10	Hướng dẫn số 20-HD/UBKTTW, ngày 12/01/2016 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về <i>thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021</i> .
11	Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “ <i>Một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng</i> ”
12	Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 12/9/2017 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về <i>thực hiện một số Điều trong Quy định số 86-QĐ/TW</i>
13	Hướng dẫn số 04-HD/UBKTTW, ngày 22/3/2018 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về <i>việc thực hiện một số Điều trong Quy định số 102-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương</i> .